

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RP3	7:25	8+10	0+0		11+11	0+0	
2		BK9+TD2	7:55	2+16	0+0		0+22	0+0	
3		P10+TD1+RP3	9:25	16+0+0	0+0+0		2+6+14	0+0+0	
4		CLO+P10+P9	9:25	6+0+9	0+0+0		4+5+13	0+0+0	chuyen 3 clo- p10

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 người Td2 về đi CLO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: N0 1	TO: TD2 - RP3	CREW: TTrung - HTrung - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

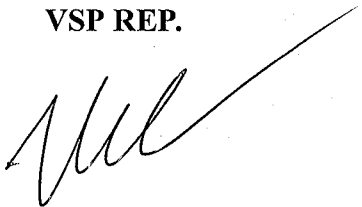
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEV DMITRIY	TD2	43	1	10		100	KHOAN	Russian
2	GROMOV SERGEY	TD2	42	1	12	30	86	KHOAN	Russian
3	BUI HUU HONG	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	41	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH BINH	TD2	37	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THO	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUNG	TD2	44	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN MINH HAI	TD2	40	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN BA LUONG	RP3					60	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUOC TUAN	RP3	09	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HUY HUNG	RP3	10	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
12	BUI NGOC LAM	RP3	07	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
13	VU VAN DOANH	RP3					75	KHOAN	Vietnamese
14	KHUAT QUANG KIEN	RP3	12-13	2	15	130	70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG HAO	RP3	11	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM DINH THUYET	RP3	08	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN TUAN LONG	RP3	15-16	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC TUAN	RP3	14	1	5		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	8	6	49	613	30	11		
2	RP3	10	10	58	712	130	11		
TOTAL		18	16	107	1.325	160	22		
WEIGHT KG				107	1.325	160			

GRAND TOAL: 1.592 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/11/2023	TO: BK9 - TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: N0 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - DSon	ETA: 09:25
CAM-1			

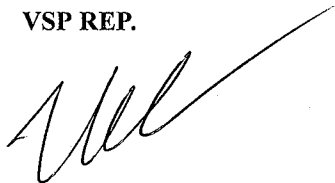
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH LONG	BK9	11	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI VĂN HỘI	BK9	12	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
3	TRỊNH HỒNG SƠN	TD2	72	1	8	80	66	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THĂNG	TD2	79	1	8		81	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ PHÚ	TD2	78	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HAI	TD2	73	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
7	HA VĂN LINH	TD2	82	1	13		94	KHOAN	Vietnamese
8	KARPUNIN ALEXEY	TD2	71	1	15		100	KHOAN	Russian
9	NGUYỄN BA HÙNG	TD2	83	1	9		75	DVL	Vietnamese
10	TRẦN THAI AN	TD2	81	1	13		73	DVL	Vietnamese
11	ĐINH VIỆT DŨNG	TD2	86	1	7		63	DVL	Vietnamese
12	ĐÀO ANH HUYNH	TD2	84-85	2	20		69	DVL	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC CÀNH	TD2	74	1	5		66	PSV	Vietnamese
14	LÊ PHÁT THỊNH	TD2	80	1	7		94	PSV	Vietnamese
15	VŨ MẠNH DŨNG	TD2	75-76	2	9		75	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TẤT TÂM	TD2	77	1	5		55	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU TOÀN	TD2	69-70	2	16		65	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	2	2	17	132	0	0		
2	TD2	15	18	143	1.100	80	22		
TOTAL		17	20	160	1.232	80	22		
WEIGHT KG				160	1.232	80			

GRAND TOAL: 1.472 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: N0 3	TO: P10 - TD1 - RP3	CREW: TTrung - HTrung - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀN TRÍCH GIANG	P10	92-93	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN BAO	P10	99-600	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI VĂN TUYẾN	P10	90-91	2	19		58	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG DANH	P10	86-87	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
5	TRỊNH HỮU HIỆU	P10	97-98	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐOÀN QUANG TRUNG	P10	94-95	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐINH VĂN DƯƠNG	P10	52-53	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TIẾN	P10	96-97	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HAI BĂNG	P10	82-83	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P10	85	1	19		92	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN THANH QUANG	P10	98-99	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC VIỆT	P10	95-96	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
13	HỒ NGỌC THÀNH	P10	88	1	9	3	70	PSV	Vietnamese
14	PHẠM MINH TÂM	P10	54	1	10		60	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH QUANG	P10	89	1	5		64	PSV	Vietnamese
16	LÊ VĂN ĐỨC	P10	84	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	16	27	240	1.084	3	2		
2	TD1	0	0	0	0	10	6		
3	RP3	0	0	0	0	0	14		
TOTAL		16	27	240	1.084	13	22		
WEIGHT KG				240	1.084	13			

GRAND TOAL: 1.337 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/11/2023	TO: CLO - P10 - P9	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: N0 4	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHAI - DSON	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO QUANG ĐUNG*****	CLO	76	1	10		56	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC TUÂN	CLO	69	1	15	15	83	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM THANH TRUNG	CLO	71-72	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TÌNH	CLO	67-68	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM THANH PHONG	CLO	73-75	3	20		79	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ ĐẠI ĐÌNH	CLO	66	1	7		71	PSV	Vietnamese
7	ĐẶNG QUỐC TRIỆU	P9	62	1	10		85	CANTI	Vietnamese
8	VÕ VĂN HÙNG	P9	90	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ĐAM	P9	63	1	3		86	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG THANH	P9	91	1	6		73	PSV	Vietnamese
11	HỒ MINH PHÚC	P9	25	1	4		81	PSV	Vietnamese
12	LÊ VĂN VIỆT	P9	64	1	2		80	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUANG	P9	81	1	5		64	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P9	26-27	2	12	31	73	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG (1989)	P9	79	1	3	40	58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	6	10	87	429	15	4	3	CHUYEN 3 PAX CLO -P10
2	P10	0	0	0	0	0	5		
3	P9	9	10	52	669	71	13		
TOTAL		15	20	139	1.098	86	22		
WEIGHT KG				139	1.098	86			

GRAND TOAL: 1.323 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+BK3+TD3	7:25	0+0+20	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 1 p9-bk3
2		TD5+TD1	7:25	15+0	0+0		19+3	0+0	
3		MRM+BK10+BK6	9:25	15+0+0	0+0+0		7+9+6	0+0+0	
4		TTCL+P6+MRM	9:25	1+4+12	0+0+0		1+1+20	0+0+0	
5		CTK3+PPD+BK9	11:25	15+0+0	0+0+0		15+6+0	0+0+0	chuyen 1 PPD-BK9
6		P5+P7-TD3	11:25	2+2+15	0+0		0+0+22	0+0	

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P9 - BK3 - TD3	CREW: VThắng - M.Đức - THU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	50	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN QUANG BẮC	TD3	59	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	64	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	BUI CÔNG SON	TD3	65	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
6	HỒ SĨ PHỤNG	TD3	63	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
7	QUÁCH VĂN THẮNG	TD3	69	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ ANH XUÂN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	62	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN PHI HUNG	TD3	51	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	VU QUANG HIẾU	TD3	67	1	8		110	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	54-55	2	19		63	KHOAN	Vietnamese
13	VĂN ĐÌNH QUANG	TD3	60-61	2	12		64	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	53	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VIỆT DUNG	TD3	56-57	2	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	66	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HIẾU	TD3	68	1	2	125	62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD3	58	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	MAI HUY TU	TD3	42	1	7		60	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG MINH	TD3	52	1	12		100	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	0	0	0	0	0	1	1	CHUYỂN 01 PAX TỪ P9 SANG BK3
2	BK3	0	0	0	0	0	0		
3	TD3	20	21	129	1.466	125	21		
TOTAL		20	21	129	1.466	125	22		
WEIGHT KG				129	1.466	125			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2023	TO: TD5 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Nam - Sơn - PTUẤN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHƯ Ý	TD5				76	77	KHOAN	Vietnamese
2	ASKAROV DENIS	TD5	61	1	10		83	KHOAN	Russian
3	TRỊNH DUY THANH	TD5	58	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5					85	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN HIỀN	TD5	59	1	11		76	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	55	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH ANH TRƯỜNG	TD5	57	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ XUÂN ANH	TD5	60	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH DƯƠNG	TD5	54	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	56	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ MINH TRỊNH	TD5	66	1	11		73	KHOAN	Vietnamese
12	HÀ KHUÔNG DUY	TD5	62-63	2	17		63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD5	64	1	9		64	DVL	Vietnamese
14	ĐO TIẾN DUNG	TD5	65	1	5		57	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	14	13	88	1.001	76	19		
2	TD1	0	0	0	0	45	3		
TOTAL		14	13	88	1.001	121	22		
WEIGHT KG				88	1.001	121			

GRAND TOAL: 1.210 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: MRM - BK10 - BK6	CREW: VThắng - M.Đức - THU	ETA: 11:40
XANH-2			

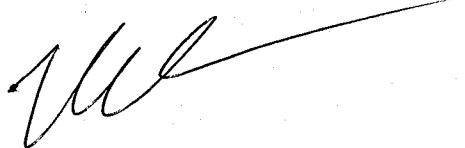
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHAKIN MIKHAIL	MRM	82-83	2	14	22	83	AMNGR	Russian
2	USMANOV ALBERT	MRM	80-81	2	19		121	AMNGR	Russian
3	SHABAKANOV MARAT	MRM	88	1	18		82	AMNGR	Russian
4	PHAM CONG BANG	MRM	97	1	4		50	PSV	Vietnamese
5	GVOZDEV ALEKSEI	MRM	87	1	5		89	AMNGR	Russian
6	ALEKSANDROVICH IVAN	MRM	77	1	16		88	AMNGR	Russian
7	SUVOROV IURII	MRM	95	1	15	16	119	AMNGR	Russian
8	TROIANOV DMITRII	MRM	78-79	2	14		83	AMNGR	Russian
9	NABOKOV ANDREY	MRM	85-86	2	11		87	AMNGR	Russian
10	ZAPASNIK ILIA	MRM	89-90	2	6		97	AMNGR	Russian
11	KVARTNIKOV ANTON	MRM	75	1	6		109	AMNGR	Russian
12	GOLUBEV ALEKSANDR	MRM	76	1	18		95	AMNGR	Russian
13	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	84	1	14		79	AMNGR	Russian
14	TRAN QUANG HUY	MRM	91-92	2	19		93	WIRELINE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

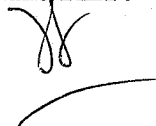
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	14	20	179	1.275	38	7		
2	BK10	0	0	0	0	13	9		
3	BK6	0	0	0	0	27	6		
TOTAL		14	20	179	1.275	78	22		
WEIGHT KG				179	1.275	78			

GRAND TOAL: 1.532 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2023	TO: TTC1 - P6 - MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Nam - Son - PTUÁN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN LÊ	TTC1	46	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN TUAN	P6	83-84	2	14		66	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐO CÔNG PHONG	P6	86	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
4	DƯƠNG BỬU LAM	P6	85	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI QUANG ANH	P6	79-80	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
6	KRAVTSOV ALEXANDR	MRM	46	1	14		75	WIRELINE	Russian
7	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	MRM	48-49	2	17	10	63	WIRELINE	Vietnamese
8	PHẠM VĂN SANG	MRM	44-45	2	17		69	WIRELINE	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC BAO	MRM	47	1	10		81	WIRELINE	Vietnamese
10	VUÔNG KIẾN QUỐC	MRM	43	1	12		81	WIRELINE	Vietnamese
11	NGO THANH SƠN	MRM	36-37	2	15		72	WIRELINE	Vietnamese
12	PHẠM ĐÌNH SINH	MRM	39	1	14		72	WIRELINE	Vietnamese
13	ĐO VĂN THAI	MRM	38	1	13		67	WIRELINE	Vietnamese
14	EREMEEV E. V.	MRM	40	1	15		97	KHOAN	Russian
15	NGUYEN VAN BIEN	MRM	34-35	2	12		70	PSV	Vietnamese
16	BUI VAN TU	MRM	33	1	4		56	PSV	Vietnamese
17	LUU BA XO	MRM	41-42	2	15		80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	1	1	9	66	0	1		
2	P6	4	6	56	263	0	1		
3	MRM	12	17	158	883	10	20		
TOTAL		17	24	223	1.212	10	22		
WEIGHT KG				223	1.212	10			

GRAND TOAL: 1.445 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	TO: CTK3 - PPD - BK9	CREW: Dương - MTHAO - DTùng	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE ANH HAO	CTK3	83-84	2	12		52	HVJOC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DUY	CTK3	80-81	2	19		65	HVJOC	Vietnamese
3	PHAM QUỐC CUÔNG	CTK3	79	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO ĐÌNH THAM	CTK3	76	1	7	20	65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG QUANG HUY	CTK3	82	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM QUANG CHUNG	CTK3	67-68	2	19	40	53	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ SON	CTK3	72-73	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN THANH NAM	CTK3	85-86	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐOAN VĂN THUẬN	CTK3	69	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN ĐÌNH TUÂN	CTK3	75	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI VĂN DUNG	CTK3	70	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM VĂN TRINH	CTK3	77-78	2	8		67	XAYLAP	Vietnamese
13	DINH MANH DUC **	CTK3					70	SANBAY	Vietnamese
14	PHAN VĂN TUÂN	CTK3	74	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	71	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

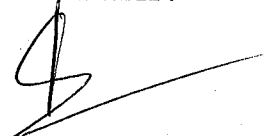
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	20	157	979	60	15		+INB VE TU CTK3 CHUYEN 1 PAX PPD-BK9
2	PPD	0	0	0	0	20	6	1	
3	BK9	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		15	20	157	979	80	21		
WEIGHT KG				157	979	80			

GRAND TOAL: 1.216 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/11/2023	TO: P5 - P7 - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: KHOÀN - N.ANH -	ETA: 14:05
TRANG-3		QTrưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TẠ VĂN CUÔNG	P5	12	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	P5	11	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THANH TRUNG	P7	60	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
4	LE TRONG LINH	P7	61	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HUY ANH	TD3	31-32	2	19		94	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN NINH	TD3	33-34	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHIẾN	TD3	24-25	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG ĐÌNH HÒA	TD3	29	1	15	24	65	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN MINH DŨNG	TD3	40-41	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH HOÀN	TD3	22-23	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THOONG	TD3	19-20	2	19		57	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH NINH	TD3	27-28	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG HUY	TD3	17-18	2	19		54	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN MINH TÀI	TD3	37	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
15	HÀ MẠNH HÙNG	TD3	35-36	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁC QUY	TD3	39	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ VĂN QUYÊN	TD3	21	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
18	HỒ SỸ HÙNG	TD3	38	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN CHÍNH QUY	TD3	26	1	15		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

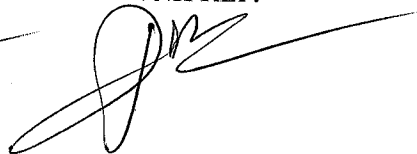
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	2	2	7	130	0	0		
2	P7	2	2	7	132	0	0		
3	TD3	15	24	244	1.026	24	22		
TOTAL		19	28	258	1.288	24	22		
WEIGHT KG				258	1.288	24			

GRAND TOAL: 1.570 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

